

Mô tả đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi và mô bệnh học bệnh lý hồi tràng tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

Nguyễn Văn Đức^{1*}, Lê Văn Thiệu¹, Đoàn Hồng Ngọc¹, Trịnh Thị Hương Giang¹, Đỗ Huy Thăng¹, Phan Thục Anh¹

¹ Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp

*Tác giả liên hệ

Nguyễn Văn Đức
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp
Điện thoại: 0973663879
Email:
drducnguyen91@gmail.com

Thông tin bài đăng

Ngày nhận bài: 19/01/2025
Ngày phản biện: 22/01/2025
Ngày duyệt bài: 20/02/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu nghiên cứu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi và mô bệnh học ở các bệnh nhân có bệnh lý hồi tràng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 35 bệnh nhân có bệnh lý hồi tràng qua 5.456 bệnh nhân được nội soi đại tràng – hồi tràng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp từ 02/2023 – 8/2023. **Kết quả và kết luận:** Tỷ lệ bệnh lý hồi tràng trong tổng số bệnh nhân được chỉ định soi đại tràng – hồi tràng: 0,64%. Tỷ lệ nam/nữ là 0,59. 45,7% số bệnh nhân có độ tuổi <40, số bệnh nhân có độ tuổi ≥40 là 54,3%. 20% bệnh nhân có đau bụng, 2,9% có rối loạn phân, 77,1% có cả đau bụng và rối loạn phân. 55,9% số bệnh nhân đau bụng vùng quanh rốn, 29,4% bệnh nhân đau bụng vùng hố chậu phải. 35,7% số bệnh nhân đi ngoài phân nát và 32,1% bệnh nhân đi ngoài phân nát, nhầy. Kết quả nội soi: viêm hồi tràng 82,9%, loét hồi tràng 17,1%. Mô bệnh học: Crohn 40%, viêm mạn tính 57,1%, viêm mạn tính có loạn sản độ thấp 2,9%.

Từ khóa: bệnh lý hồi tràng, nội soi đại tràng – hồi tràng.

Characteristics of clinical manifestation, endoscopic images and histopathology in patients with ileal diseases at Huu Nghi Viet Tiep Hospital

ABSTRACT: Objective: We aim to study the characteristics of clinical manifestation, endoscopic images and histopathology on patients with ileal diseases at Huu Nghi Viet Tiep Hospital. **Patients and methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 35 patients ileal diseases out of 5.456 patients undergoing colonoscopy – ileoscopy at Huu Nghi Viet Tiep Hospital from February 2023 to August 2023. **Results and conclusions:** Among 5.456 patients indicated for colonoscopy – ileoscopy, the rate of ileal diseases is 0,64%, the male-to-female ratio is 0,59. Age distribution was reported with 45,7% aged below 40, while 54,3% aged 40 or older. Abdominal pain and change in consistency of stool were the major manifestation, about 77,1% patients experienced both symptoms while 20% experienced only abdominal pain and 2,9% reported stool change as solitary symptom. Among patients with abdominal discomfort, 55,9% experienced umbilical pain and 29,4% reported right ileac pain. In terms of stool change, about 35,7% patients had loose stools and 32,1% had loose stools with mucus. During endoscopic examination, the presence of inflammation and ulcer were 82,9% and 17,1%, respectively. Histopathology

pattern showed 40% was Crohn's, 57,1% was chronic inflammation and 2,9% was low-grade dysplasia.

Keywords: ileal diseases, colonoscopy-ileoscopy

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh lý hồi tràng ngày càng được phát hiện nhiều nhờ vào phương tiện nội soi đại tràng – hồi tràng, một số trường hợp có thể phát hiện ở những người bình thường khi khám kiểm tra sức khỏe tổng quát như u hồi tràng.

Mô hình bệnh tật về các bệnh lý hồi tràng còn có sự khác nhau trên thế giới và trong nước tùy theo nghiên cứu. Tại Hải Phòng, hiện chưa có nghiên cứu nào về bệnh lý hồi tràng trên nội soi. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, hình ảnh nội soi và mô bệnh học ở các bệnh nhân có bệnh lý hồi tràng tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Gồm 5.456 bệnh nhân nội soi đại tràng được soi vào đoạn cuối hồi tràng 15cm tại Bệnh Viện Hữu Nghị Việt Tiệp trong thời gian từ tháng 02 năm 2023 đến tháng 8 năm 2023. Trong quá trình nội soi, khi phát hiện các bệnh nhân có tổn thương hồi tràng, chúng tôi đưa vào nghiên cứu. Số lượng bệnh nhân phát

hiện có tổn thương hồi tràng qua nội soi là 35 bệnh nhân.

Tiêu chuẩn loại trừ là những bệnh nhân tái khám nội soi đại tràng – hồi tràng lần hai trong thời gian nghiên cứu, bệnh nhân từ chối tham gia nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Nội dung nghiên cứu

- Khảo sát các dấu hiệu lâm sàng: Các triệu chứng đau bụng kiểu hồi tràng, rối loạn tính chất phân.

- Tất cả bệnh nhân được nội soi khảo sát hết đại trực tràng, máy soi vào hồi tràng 15cm, đánh giá hình ảnh nội soi đại trực tràng – hồi tràng.

- Tỷ lệ các bệnh lý hồi tràng được xác định qua hình ảnh tổn thương trên nội soi đại tràng – hồi tràng như viêm, loét, u hồi tràng.

Phương tiện nghiên cứu: Máy nội soi đại tràng Olympus CV-170

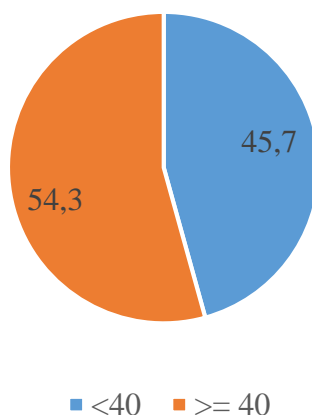
Xử lý số liệu: Sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 22.0, Excel 2010, xác định tỷ lệ phần trăm các biến số.

KẾT QUẢ

Đặc điểm chung của bệnh nhân

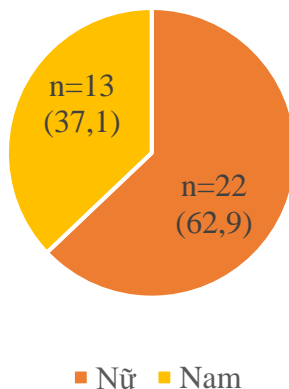
Tổng số bệnh nhân có chỉ định soi đại trực tràng – hồi tràng: 5.456 bệnh nhân

Tỷ lệ bệnh nhân có bệnh lý hồi tràng trên tổng số bệnh nhân được soi đại tràng – hồi tràng: 35/5.456 (0,64%)



Hình 1. Đặc điểm về tuổi ($n=35$)

Nhận xét: Có 45,7% số bệnh nhân có độ tuổi <40. Số bệnh nhân có độ tuổi ≥ 40 .



Hình 2. Phân bố giới ($n=35$)

Nhận xét: Tỷ lệ bệnh nhân nữ (62,9%) cao hơn bệnh nhân nam (37,1%). Tỷ lệ nam/nữ = 0,59.

Đặc điểm lâm sàng

Bảng 1. Các biểu hiện lâm sàng

Triệu chứng	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Đau bụng	7	20
Rối loạn phân	1	2,9
Đau bụng + Rối loạn phân	27	77,1

Nhận xét: Triệu chứng chiếm đa số là đau bụng kèm rối loạn phân 77,1%, 20% có đau bụng và chỉ 2,9% có rối loạn phân.

Bảng 2. Vị trí đau theo phân khu ổ bụng

Vị trí	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Quanh rốn	19	55,9
Hạ sườn phải	2	5,9

Hố chậu phải	10	29,4
Thượng vị	3	8,8
Tổng	34	100

Nhận xét: Có tới 55,9% số bệnh nhân đau bụng vùng quanh rốn. Bên cạnh đó, có 29,4% bệnh nhân đau bụng vùng hố chậu phải. Chỉ 8,8% bệnh nhân đau bụng vùng thượng vị và 5,9% bệnh nhân đau bụng vùng hạ sườn phải.

Bảng 3. Tính chất phân

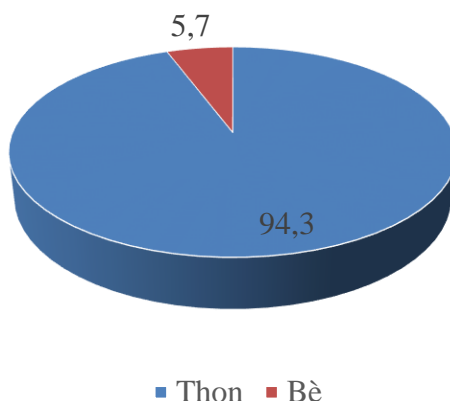
Tính chất phân	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Nát	10	35,7
Nát, nhầy	9	32,1
Táo	4	14,3
Lỏng	5	17,9
Tổng	28	100

Nhận xét: Có 35,7% số bệnh nhân đi ngoài phân nát và 32,1% bệnh nhân đi ngoài phân nát, nhầy, 14,3% số bệnh nhân đi ngoài phân táo và 17,9% bệnh nhân đi ngoài phân lỏng.

Bảng 4. Số lần đi ngoài trong ngày

Số lần đi ngoài	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
1	11	31,4
2	16	45,7
3	5	14,3
>3	3	8,6
Tổng	35	100

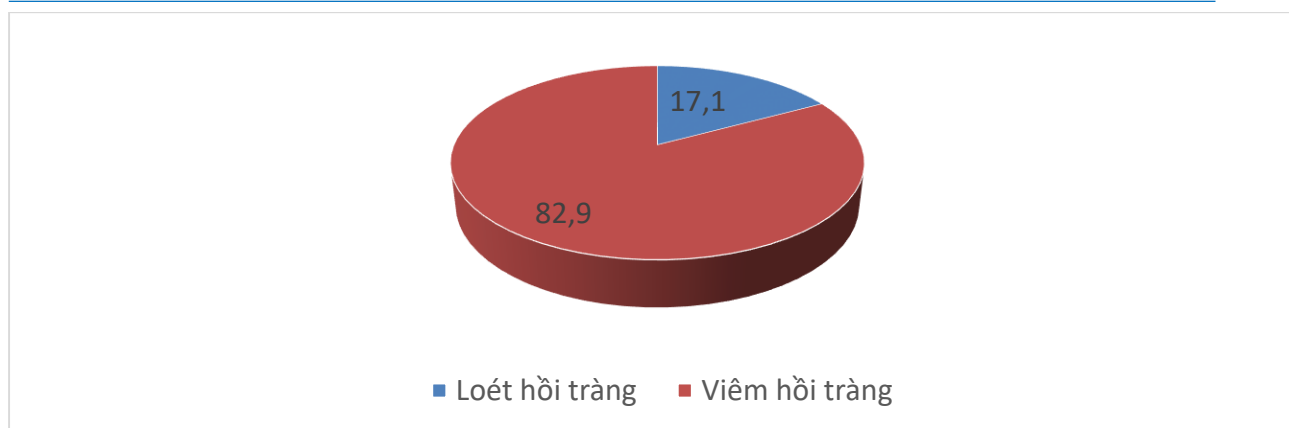
Nhận xét: Tỷ lệ bệnh nhân đi ngoài 1 lần/ngày là 31,4%, 2 lần/ ngày là 45,7%. Số bệnh nhân đi ngoài 3 lần/ngày ít hơn với 14,3% và >3 lần/ngày là 8,6%.



Hình 3. Đặc điểm hình dáng bụng (n=35)

Nhận xét: Đa số bệnh nhân có hình dáng bụng là thon 94,3%. Chỉ có 5,7% số bệnh nhân có hình dáng bụng bè.

Tổn thương hồi tràng xác định qua nội soi và mô bệnh học



Hình 4. Kết quả nội soi (n=35)

Nhận xét: Hầu hết bệnh nhân có kết quả nội soi là viêm hồi tràng 82,9%. 17,1% số bệnh nhân có kết quả nội soi là loét hồi tràng.

Bảng 5. Tổn thương kèm theo khi nội soi đại tràng

Tổn thương kèm theo	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Viêm đại trực tràng	30	85,7
Loét đại tràng	2	5,7
Rò hậu môn	1	2,85
Trĩ	33	94,3
Da thừa hậu môn	8	22,85

Nhận xét: Phần lớn bệnh nhân có viêm đại trực tràng kèm theo 85,7% và trĩ 94,3%. Ít hơn là da thừa hậu môn chiếm 22,85%, loét đại tràng 5,7% và rò hậu môn 2,85%.

Bảng 6. Kết quả mô bệnh học

Kết quả	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Crohn	14	40
Viêm mạn tính	20	57,1
Viêm mạn tính có loạn sản độ thấp	1	2,9
Tổng	35	100

Nhận xét: Phần lớn bệnh nhân có kết quả mô bệnh học là Crohn 40% và viêm mạn tính 57,1%. Chỉ có 2,9% số bệnh nhân có kết quả giải phẫu bệnh là viêm mạn tính có loạn sản độ thấp.

BÀN LUẬN

Đặc điểm lâm sàng

Qua nghiên cứu 5.456 bệnh nhân được nội soi đại tràng – hồi tràng, có 35 bệnh nhân có tổn thương hồi tràng trên nội soi, chúng tôi đưa ra một số bàn luận như sau:

Tỷ lệ bệnh lý hồi tràng trên tổng số bệnh nhân có chỉ định nội soi đại tràng là 0,64%. Có sự khác biệt trong nghiên cứu của chúng tôi với nghiên cứu của Seong Hyun Jeong và cộng sự [4] với tỷ lệ 3,7%, khác biệt so với nghiên cứu của G Börsch và cộng sự [2] với tỷ lệ 5%.

Sự khác biệt này có thể do thời gian, địa điểm nghiên cứu khác nhau, cỡ mẫu trong nghiên cứu của chúng tôi nhiều hơn.

Tỷ lệ nam/giới là 37,1%, nữ/giới là 62,9%, tỷ lệ nam/nữ là 0,59. Có 45,7% số bệnh nhân có độ tuổi <40. Số bệnh nhân có độ tuổi \geq 40 là 54,3%.

Đa số bệnh nhân có cả hai triệu chứng đau bụng và rối loạn phân 77,1%, 20% có một triệu chứng đau bụng, chỉ 2,9% có một triệu chứng rối loạn phân. Đây là những triệu chứng thường gặp trong các bệnh lý hồi

tràng, là lý do chính khiến người bệnh đi khám và được chỉ định nội soi tiêu hóa dưới. Có tới 55,9% số bệnh nhân đau bụng vùng quanh rốn. Bên cạnh đó, có 29,4% bệnh nhân đau bụng vùng hố chậu phải. Chỉ 8,8% bệnh nhân đau bụng vùng thượng vị và 5,9% bệnh nhân đau bụng vùng hạ sườn phải. Đa phần vị trí đau tương ứng với vị trí giải phẫu của hồi tràng và vị trí đau quy chiếu trên phân phụ ổ bụng.

Có 35,7% số bệnh nhân đi ngoài phân nát và 32,1% bệnh nhân đi ngoài phân nhầy. Chỉ 14,3% số bệnh nhân đi ngoài phân táo và 17,9% bệnh nhân đi ngoài phân lỏng. Triệu chứng chủ yếu là phân nát, không thành khuôn, đây là triệu chứng thường gặp trong các bệnh lý đường tiêu hóa dưới khiến bệnh nhân đến khám bệnh.

Hình ảnh nội soi và mô bệnh học

Hầu hết bệnh nhân có kết quả nội soi là viêm hồi tràng 82,9%. Có 17,1% số bệnh nhân có kết quả nội soi là loét hồi tràng. Có sự tương đồng trong nghiên cứu của chúng tôi với Jonathan B McHugh [3] và cộng sự với tỷ lệ viêm hồi tràng phát hiện qua nội soi là 84%. Phần lớn bệnh nhân có viêm đại trực tràng kèm theo 85,7% và trĩ 94,3%. Ít hơn là đa thừa hậu môn chiếm 22,85%, loét đại tràng 5,7% và rò hậu môn 2,85%.

Phần lớn bệnh nhân có kết quả mô bệnh học là Crohn 40% và viêm mạn tính 57,1%. Chỉ có 2,9% số bệnh nhân có kết quả giải phẫu bệnh là viêm mạn tính có loạn sản độ thấp được coi là một tổn thương tiền ung thư. Có sự khác biệt so với nghiên cứu của Qinglian Z [1] và cộng sự do cỡ mẫu trong nghiên cứu của chúng tôi còn ít, ở bệnh nhân được phát hiện có tổn thương đoạn cuối hồi tràng, trong đó 87,26% được chẩn đoán là lành tính, 1,55% được chẩn đoán là ác tính.

KẾT LUẬN

- Tỷ lệ bệnh lý hồi tràng trong tổng số bệnh nhân được chỉ định soi đại tràng – hồi tràng là 0,64%.

- Tỷ lệ nam/nữ là 0,59. 45,7% số bệnh nhân có độ tuổi <40, số bệnh nhân có độ tuổi ≥40 là 54,3%.

- Triệu chứng lâm sàng: 20% bệnh nhân có đau bụng, 2,9% có rối loạn phân, 77,1% có cả đau bụng và rối loạn phân.

- Vị trí đau: 55,9% số bệnh nhân đau bụng vùng quanh rốn. 29,4% bệnh nhân đau bụng vùng hố chậu phải. 8,8% bệnh nhân đau bụng vùng thượng vị. 5,9% bệnh nhân đau bụng vùng hạ sườn phải.

- Tính chất phân: 35,7% số bệnh nhân đi ngoài phân nát và 32,1% bệnh nhân đi ngoài phân nhầy. 14,3% số bệnh nhân đi ngoài phân táo và 17,9% bệnh nhân đi ngoài phân lỏng.

- Kết quả nội soi: viêm hồi tràng 82,9%, loét hồi tràng 17,1%.

- Mô bệnh học: Crohn 40%, viêm mạn tính 57,1%, viêm mạn tính có loạn sản độ thấp 2,9%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Qinglian Z, Anye Z, Jian H, Wen Y, Jiayu L, Qun H, Xiaoshan H, Tao Y, Luhong Z, Chen X, (2020), “Analysis and Follow up of Endoscopy Results in 1099 Patients with Terminal Ileum Lesions”, *Can J Gastroenterol Hepatol.* 2020 Dec 4:2020:8838613. doi: 10.1155/2020/8838613. eCollection 2020.
2. G Börsch, G Schmidt (1985), “Endoscopy of the terminal ileum. Diagnostic yield in 400 consecutive examinations”, *Dis Colon Rectum.* 1985 Jul; 28(7):499-501. doi: 10.1007/BF02554095.
3. Jonathan B McHugh 1, Henry D Appelman, Barbara J McKenna (2007) “The diagnostic value of endoscopic terminal ileum biopsies”, *Am J Gastroenterol.* 2007 May; 102(5):1084-9. doi: 10.1111/j.1572-0241.2007.01194.x. Epub 2007 Mar 27.
4. Seong Hyun Jeong 1, Kwang Jae Lee, Yeong Bae Kim, Heok Chun Kwon, Sung Jae Sin Jae Yeon Chung, (2007), “Diagnostic value of terminal ileum intubation during colonoscopy”, *J Bản quyền © 2025 Tạp chí Khoa học sức khỏe*

Gastroenterol Hepatol. 2008 Jan;23(1):51-
5. doi: 10.1111/j.1440-
1746.2007.05151.x.